TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2025**/HNGĐ-ST
Ngày **05-5-2025**
Về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Văn Động**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** huyện T , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2024/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/3/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Bé T** - sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: số 115, ấp Tân V , xã Tân H , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Ú** - sinh năm 1993

Địa chỉ: số 90, ấp Tân V , xã Tân H , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

(vắng mặt lần 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị Bé T trình bày:**

Chị Trương Thị Bé T và anh Nguyễn Văn Ú tự tìm hiểu quen biết nhau khoảng 01 năm, sau đó đi đến kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Tân H , huyện T , tỉnh Kiên Giang ngày 28/4/2021.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị Bé T cho

rằng do anh Ú thường hay đi nhậu với bạn bè tới 2 giờ sáng mới về, đi làm nhưng không đưa tiền để chị Bé T lo cho con cái gia đình, một mình chị Bé T phải tự xoay sở, anh Ú không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường hay cự cãi, chị Bé T có khuyên ngăn và cho anh Ú thời gian để sửa đổi nhưng anh Ú vẫn vậy, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Chị Bé T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chung sống với nhau không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay.

- Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 1 con chung: Nguyễn Như N - sinh ngày 15/3/2021.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bé T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chị Bé T yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bé T yêu cầu được ly hôn với anh Ú .

- *Về con chung:* Chị Bé T yêu cầu được nuôi người con tên Nguyễn Như N - sinh ngày 15/3/2021, chị Bé T có khả năng nuôi con, không yêu cầu anh Ú cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Bé T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

* Tòa án có triệu tập anh Nguyễn Văn Ú để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng anh Nguyễn Văn Ú vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Bé T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ú .

- *Về quan hệ con chung:* Đề nghị giao cháu Nguyễn Như N - sinh ngày 15/3/2021 cho chị Trương Thị Bé T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi

dưỡng, là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Bé T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn Ú có địa chỉ và hộ khẩu thường trú tại ấp Tân V , xã Tân H , huyện T , tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T .

Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh Nguyễn Văn Ú vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Ú .

Xét thấy, anh Ú chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Bé T tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ các thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh Ú vẫn không đến Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Bé T và anh Ú chung sống với nhau được UBND xã Tân H , huyện T , tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 58, ngày 28/4/2021, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Bé T là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, vợ chồng anh chị chung sống với nhau đến tháng đến tháng 02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Bé T cho rằng do anh Ú thường hay đi nhậu với bạn bè tới 2 giờ sáng mới về, đi làm nhưng không đưa tiền để chị Bé T lo cho con cái gia đình, một mình chị Bé T phải tự xoay sở, anh Ú không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường hay cự cãi, chị Bé T có khuyên ngăn và cho anh Ú thời gian để sửa đổi nhưng anh Ú vẫn vậy, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt.

Tại phiên tòa, chị Bé T thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Mặt khác, chị Bé T và anh Ú hai bên đã ly thân với nhau từ cuối năm 2023 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Bé T và anh Ú đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn

của chị Bé T được ly hôn với anh Ú .

[3] Về quan hệ con chung: Chị Bé T và anh Ú chung sống có 01 người con tên Nguyễn Như N - sinh ngày 15/3/2021.

Xét thấy, cháu Như Ngọc hiện đang sống với chị Bé T và được chị Bé T nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển về mọi mặt, Hội đồng xét xử thống nhất giao cho chị Bé T tiếp tục nuôi con là phù hợp, chị Bé T có khả năng nuôi con nên không yêu cầu anh Ú cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản, nữ trang chung và nợ chung: Chị Bé T xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Trường hợp anh Ú cho rằng có tài sản chung và có tranh chấp, sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác và sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Bé T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Bé T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ú .

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Trương Thị Bé T tiếp tục nuôi người con tên Nguyễn Như N - sinh ngày 15/3/2021. Chị Trương Thị Bé T không yêu cầu anh Nguyễn Văn Ú cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trương Thị Bé T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn Ú tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về quan hệ tài sản, nữ trang chung và nợ chung: Chị Bé T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Trương Thị Bé T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu số 0007185 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Văn Ú vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân H ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chiến